

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2010

**BÁO CÁO**  
**TRẢ LỜI CHẤT VẤN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**  
(Tại kỳ họp thứ 8 - Quốc hội khoá XII)

**Kính gửi: Quốc hội.**

Theo phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xin báo cáo Quốc hội kết quả giải quyết những vấn đề đã đề cập tại các kỳ họp trước và một số nội dung đang được các Đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước quan tâm như sau:

**I. Kết quả thực hiện nội dung đã chất vấn tại các kỳ họp trước**

Bộ Tài chính đã có công văn số 14691/BTC-VP ngày 01/11/2010 gửi Văn phòng Quốc Hội báo cáo kết quả giải quyết các vấn đề đã báo cáo trước Quốc hội tại phiên trả lời chất vấn kỳ họp thứ bảy, Quốc hội khoá XII; Bộ Tài chính xin báo cáo tóm tắt như sau:

**1. Về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giá.**

**1.1. Đăng ký giá, niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết.**

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư bổ sung, sửa đổi số 122/2010/TT-BTC ngày 12/08/2010 nhằm bổ sung, sửa đổi, khắc phục những tồn tại, hạn chế phát sinh trong thực tế triển khai thực hiện Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008.

Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/08/2010 có phạm vi điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện bình ổn giá; quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá; hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; biểu mẫu và thủ tục đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, Thông tư đã mở rộng đối tượng đăng ký giá đến tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nếu sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá (trước đây chỉ yêu cầu đăng ký giá đối với doanh nghiệp Nhà nước). Ngoài ra, biểu mẫu và thủ tục đăng ký giá được sửa đổi, điều chỉnh theo hướng đơn giản hơn nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.

## 1.2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá:

Nhằm tiếp tục tăng cường công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 169/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá. Hiện tại, dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành ở Trung ương; Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, trực thuộc trung ương; Hội thẩm định giá Việt Nam; các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; đồng thời, được đăng tải công khai trên trang điện tử của Bộ Tài chính để xin ý kiến rộng rãi của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Nghị định.

Tiếp thu ý kiến của các vị Đại biểu Quốc Hội, các tổ chức và cá nhân, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định theo hướng: hệ thống lại các hành vi vi phạm về giá hiện đang được quy định riêng tại một số Luật và Nghị định của Chính phủ; đồng thời bổ sung thêm một số hành vi vi phạm về giá đã và sẽ phát sinh trong thực tế nhưng Nghị định số 169/2004/NĐ-CP chưa quy định. Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng quy định cụ thể và bổ sung thêm các hình thức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung (như tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh...) và các biện pháp khắc phục hậu quả nhằm ngăn ngừa và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## 2. Về biện pháp tăng cường quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong nhiều năm vừa qua, các Bộ ngành đã quan tâm và phối hợp để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản, quy định về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, vì vậy, hệ thống cơ chế chính sách trong lĩnh vực quyết toán dự án hoàn thành đến nay cơ bản đã được ban hành đầy đủ; công tác quyết toán dự án hoàn thành được công bố công khai và trong thời gian qua đã có nhiều tiến bộ.

Nhằm tiếp tục đẩy nhanh công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Bộ Tài chính đã có công văn số 13955/BTC-ĐT ngày 18/10/2010 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình quyết toán dự án hoàn thành; trong đó, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo điều hành công tác quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung như: (i) kiện toàn tổ chức, tăng cường lực lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị chức năng; (ii) không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư có 3 dự án trở lên vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán; (iii) không cho phép nhà thầu tham gia đấu thầu dự án mới khi chưa quyết toán dự án đã hoàn thành; (iv) trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện giám trừ vào kế hoạch vốn đầu tư (từ năm 2011 trở đi) của các Bộ, ngành, địa phương tương ứng với số vốn đầu tư chưa được quyết toán vi phạm thời gian lập và duyệt quyết toán.

## **II. Báo cáo giải trình một số nội dung lớn Đại biểu Quốc hội quan tâm**

Tại kỳ họp này, đến ngày 20/11/2010, Bộ Tài chính đã nhận được 20 chất vấn của Đại biểu Quốc hội, trong đó có 02 chất vấn không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính, chúng tôi đã gửi Đại biểu Quốc Hội, Văn phòng Quốc Hội để chuyển đến các Bộ liên quan để trả lời Đại biểu (nội dung về giá thuốc và đấu thầu mua sắm tàu Hoa Sen ) và có 04 chất vấn do Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền trả lời. Bộ Tài chính đã có văn bản trả lời gửi đến từng Đại biểu Quốc hội có chất vấn.

Qua chất vấn và thảo luận hội trường, Bộ Tài chính xin báo cáo một số nội dung mà nhiều Đại biểu quan tâm, cụ thể như sau:

### **1. Điều hành Ngân sách nhà nước**

#### **1.1. Về công tác lập dự toán thu NSNN**

Việc xây dựng dự toán thu NSNN được thực hiện dựa trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế và số thực hiện thu NSNN năm trước. Trong thời gian qua, việc xây dựng dự toán NSNN cơ bản đã tích cực, cố gắng bám sát thực tế, đảm bảo tính khả thi, chắc chắn; trong các báo cáo đánh giá thực hiện ngân sách, Chính phủ đã báo cáo và giải trình với Quốc hội về nguyên nhân dẫn đến tăng thu hàng năm, trong đó có nguyên nhân khách quan do tác động của tình hình kinh tế thế giới, biến động giá cả thị trường trong và ngoài nước, tăng thu từ nguồn tài nguyên đất đai, tăng thu do thay đổi cơ chế, chính sách thu,... Bên cạnh đó, thời điểm lập dự toán hàng năm thường bắt đầu từ sớm (tháng 6 năm trước), cộng với việc dự kiến sự phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở để xây dựng và phân bổ dự toán thu vào từng địa phương có lúc chưa thật sát (trong điều hành có một số địa phương có năm có tăng thu hoặc hụt thu so với dự toán) cũng khiến khó tránh khỏi có sự chênh lệch giữa thực tế và dự báo, dự toán.

Đối với năm 2010, vào thời điểm Chính phủ trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN năm 2010 (tháng 10/2009) tình hình còn rất khó khăn, khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế trong nước có tiến bộ nhưng còn chậm và chưa thật vững chắc. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng dự toán thu NSNN năm 2010 đòi hỏi rất thận trọng, đảm bảo tính khả thi trong thực hiện. Đến nay, tình hình kinh tế trong nước chuyển biến tích cực hơn so với dự báo (tăng trưởng kinh tế ước 6,7% - kế hoạch 6,5%, kim ngạch xuất khẩu ước tăng 19,1% - kế hoạch trên 6%, kim ngạch nhập khẩu ước tăng 16,5% - kế hoạch là 9%,...) từ đó tạo điều kiện tăng thu NSNN. Qua thảo luận với các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương; Chính phủ đánh giá thu NSNN năm 2010 vượt 12,7% (58.600 tỷ đồng) so dự toán; trong đó thu nội địa từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (không kể thu tiền sử dụng đất) ước tăng 8,6% so dự toán, tăng 26,4% so với năm 2009. Đây là mức đánh giá thu NSNN tích cực.

Trong nền kinh tế thị trường, thu NSNN phụ thuộc vào 3 yếu tố chính đó là (i) kết quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp (việc này do các doanh nghiệp, đơn vị tự quyết định - Nhà nước không giao chỉ tiêu); (ii) chế độ thu (Luật quy định); (iii) giá cả thị trường. Đặc biệt khi kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, khó dự báo và khó lường trước như thời gian vừa qua, thì việc dự báo thu so với thực hiện sai lệch khoảng 10% là có thể chấp nhận được. Số tăng thu là kết quả, sự nỗ lực của cấp uỷ, chính quyền của 63 tỉnh, thành phố, gần 500 quận, huyện, gần 11.000 xã và ngành thuế.

## **1.2. Về tỷ lệ động viên NSNN giai đoạn 2006 - 2010**

Trong 5 năm qua, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thách thức, việc triển khai thực hiện cải cách thuế theo Chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chính sách thuế vẫn được điều chỉnh theo hướng giảm thuế suất (thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 28% xuống 25%; thuế suất thuế thu nhập cá nhân mức cao nhất từ 50% xuống 35%, mức thấp nhất từ 10% xuống 5%; thực hiện miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, miễn thu thủy lợi phí,...), qua đó khuyến khích các doanh nghiệp, người dân tích tụ vốn đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất - kinh doanh, qua đó góp phần tăng thu NSNN.

Tỷ lệ động viên NSNN giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 27%GDP. Bên cạnh yếu tố tác động do tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng đối tượng thu (số doanh nghiệp năm 2010 gấp khoảng 2 lần năm 2005, số vốn các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giai đoạn vừa qua gấp khoảng 7 lần so với 5 năm trước,...), thì trong thời gian qua yếu tố tăng thu do biến động giá, tăng thu từ nguồn lực đất đai ở các địa phương đã góp phần đáng kể vào tăng thu NSNN như đã nêu trên. Nếu loại trừ 2 yếu tố trên (biến động giá và thu tiền sử dụng đất) thì thu NSNN giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 23%GDP, trong đó thu từ thuế, phí khoảng 22%GDP. Tỷ lệ động viên như vậy cơ bản đạt mục tiêu đã đặt ra, không tạo thêm gánh nặng thuế cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện tăng tích tụ vốn để đầu tư phát triển.

## **1.3 Về chi ngân sách Nhà nước.**

Trong điều hành dự toán chi NSNN, Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp đã bám sát dự toán đã được Quốc hội, HĐND quyết định và các quy định của pháp luật.

- Dự phòng ngân sách các cấp: theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình (từ 3-5% tổng chi ngân sách) để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán.

- Việc tăng chi trong quá trình điều hành NSNN theo quy định của Luật NSNN được sử dụng chủ yếu từ các nguồn:

+ Đối với nguồn tăng thu và tiết kiệm chi so với dự toán được giao hàng năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đối với ngân sách trung ương), UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cùng cấp (đối với ngân sách địa phương) sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng ngân sách... Số tăng chi từ nguồn dự phòng và tăng thu NSNN hàng năm được phân bổ vào từng lĩnh vực chi tương ứng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Các khoản chi chưa phân bổ được Quốc hội quyết định tổng số theo chủ trương, khi thực hiện giao cho các Bộ, địa phương (như chi điều chỉnh tiền lương...) Số chi vượt dự toán thời gian qua chủ yếu là để thực hiện chế độ, chính sách mới ban hành và xử lý kịp thời các nhu cầu chi cấp thiết phát sinh, đặc biệt là các nhu cầu chi khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh (không thể kế hoạch hoá chính xác lũ lụt, bão, dịch bệnh trong năm kế hoạch sẽ vào địa bàn nào và mức độ thiệt hại là bao nhiêu; khi phát sinh thì sử dụng dự phòng hoặc nguồn tăng thu NSNN để xử lý); nguồn tăng thu từ đất đai được tăng chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương theo quy định của Luật NSNN.

Riêng đối với các địa phương, ngoài việc sử dụng dự toán chi đầu năm đã được quyết định, trong năm NSDP còn được NSTW hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết khác, như: chi để thực hiện chế độ mới đối với lực lượng vũ trang; thực hiện cải cách tiền lương (Quốc hội phê chuẩn tổng mức; Chính phủ căn cứ chính sách, chế độ và kết quả thẩm định lương thực tế để phân bổ, giao bổ sung dự toán cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương); thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; tăng mức trợ cấp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người người cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; thực hiện một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với các vùng khó khăn; chính sách và chế độ trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; chi phòng, chống giảm nhẹ tác hại của thiên tai và khắc phục hậu quả lũ lụt (bao gồm cả số hỗ trợ khắc phục hậu quả lũ lụt ở một số tỉnh Miền Trung),... Số hỗ trợ này được lấy từ dự phòng NSTW và nguồn chi NSTW đã được Quốc hội phê duyệt nhưng đầu năm chưa giao cho các địa phương; khi chính sách được ban hành và thực tế phát sinh (như khi xảy ra bão, lũ lụt, dịch bệnh...), NSTW hỗ trợ cho các địa phương; tùy theo tính chất nhiệm vụ chi sẽ hạch toán vào từng lĩnh vực chi cụ thể và làm tăng chi so với dự toán của địa phương.

Đối với chi quản lý hành chính năm 2010 (cả ngân sách Trung ương và ngân sách các địa phương), trong báo cáo của Chính phủ đánh giá ước thực hiện vượt 3% (khoảng 1.560 tỷ đồng) so với dự toán. Số vượt chi chủ yếu là để thực hiện các nhiệm vụ đã có chế độ, nhiệm vụ cần thiết như: chế độ trích thưởng theo kết quả thanh tra, kiểm toán đối với cơ quan Thanh tra Nhà nước và Kiểm toán nhà nước; hỗ trợ các địa phương tổ chức Đại hội Đảng các cấp;... Việc tăng

chi là từ nguồn dự phòng và tăng thu thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN.

Để nâng cao kỷ luật tài chính, Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm toán, qua đó phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý tài chính ngân sách, tiền và tài sản của Nhà nước; đồng thời hoàn chỉnh cơ chế quản lý tài chính- ngân sách. Tại các cơ quan, đơn vị được cơ quan thanh tra, kiểm toán chỉ ra sai phạm đã cơ bản khắc phục và không lặp lại; ý thức, trách nhiệm, tính kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được nâng cao, việc quản lý, sử dụng NSNN được tiết kiệm, hiệu quả.

#### **1.4. Về bội chi Ngân sách Nhà nước và nợ công**

Bội chi NSNN và nợ công, nợ Chính phủ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; bội chi NSNN thực chất là tranh thủ nguồn vốn vay để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội; việc tăng vay bù đắp bội chi và phát hành trái phiếu Chính phủ kéo theo sự gia tăng của nợ Chính phủ và nợ công.

##### **a) Bội chi Ngân sách Nhà nước.**

Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, bội chi Ngân sách Nhà nước là bội chi ngân sách trung ương; bội chi ngân sách trung ương để cân đối thực hiện nhiệm vụ chi NSNN (chi đầu tư phát triển) được Quốc hội quyết định; đồng thời, Luật Ngân sách Nhà nước cũng quy định chặt chẽ về nguồn bù đắp bội chi (vay trong nước và vay ưu đãi ngoài nước; không thực hiện phát hành tiền để bù đắp bội chi) do vậy đã góp phần lành mạnh hoá ngân sách, đảm bảo an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong nhiều năm qua, mức bội chi NSNN được Quốc hội chấp thuận thường bằng 5%GDP. Thực hiện 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm 2006-2010, bội chi NSNN đã duy trì ở mức khoảng 5%GDP. Trong 2 năm 2009-2010, trong bối cảnh khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, Chính phủ đã chủ động trình Bộ Chính trị, Quốc hội cho phép tăng bội chi NSNN và tăng huy động trái phiếu Chính phủ để tăng nguồn lực thực hiện các giải pháp kích thích kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Trong bối cảnh đặc biệt, việc chủ động điều hành bội chi ở mức cao là cần thiết và tích cực, nhờ vậy kinh tế của nước ta đã kịp thời phục hồi nhanh hơn dự kiến ban đầu, đời sống nhân dân, đặc biệt là các đối tượng người nghèo, chế độ chính sách được đảm bảo, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới; mặc dù chúng ta đã phải tăng mức bội chi NSNN và tăng mức phát hành trái phiếu Chính phủ cho đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu chống suy giảm kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, nhưng vẫn đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không có nợ xấu, dư nợ Chính phủ và dư nợ quốc gia vẫn trong phạm vi an toàn, được kiểm soát.

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi, chúng ta phải thực hiện đồng thời phát triển kinh tế đi đôi với công bằng xã hội; phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn

đề xã hội; vì vậy, Đảng, Quốc hội, Chính phủ ban hành và phê chuẩn nhiều chính sách, yêu cầu chỉ tăng cao: phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát triển giáo dục-đào tạo, y tế, khoa học-công nghệ, làm nhà ở cho người nghèo, nâng chuẩn nghèo, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội các huyện khó khăn, mở rộng bảo trợ xã hội cho các đối tượng người có công, thương binh, gia đình liệt sỹ, người tham gia kháng chiến, mở rộng bảo trợ theo Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, cho học sinh, sinh viên vay học tập, thực hiện phụ cấp thâm niên cho ngành giáo dục, tăng chi đầu tư cho giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... trong khi quy mô nền kinh tế còn nhỏ, tăng thu không đáp ứng được nhu cầu tăng chi. Do vậy, chúng ta vẫn phải chấp nhận bội chi, đi vay để đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội đây là điểm nghẽn cản trở sự phát triển, để tranh thủ cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, tránh tụt hậu so với các nước. Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển kinh tế, nguồn thu tăng lên, cần phấn đấu giảm bội chi NSNN, tiến tới thặng bằng thu, chi ngân sách.

#### **b) Về quản lý nợ công**

Theo quy định của Luật Quản lý nợ công (có hiệu lực từ ngày 1/1/2010): (i) Nợ Chính phủ là các khoản vay trong và ngoài nước của Chính phủ; (ii) Nợ nước ngoài của quốc gia là tổng các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ của doanh nghiệp vay theo phương thức tự vay, tự trả; (iii) Nợ công bao gồm Nợ chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương.

Trước khi có Luật Quản lý nợ công, chúng ta không sử dụng khái niệm “nợ công” mà sử dụng khái niệm “nợ Chính phủ”, “nợ nước ngoài của quốc gia” với chỉ tiêu giới hạn nợ đều dưới 50%GDP (quy định tại Chiến lược nợ đến năm 2010 và Quyết định số 211/2004/QĐ-TTg ngày 14/12/2004 phê duyệt định hướng phát triển tài chính Việt Nam đến 2010). Thời gian vừa qua, Chính phủ đã có các số liệu báo cáo về dư nợ Chính phủ và dư nợ nước ngoài của quốc gia tại các thời điểm khác nhau và đều dưới mức 50%GDP (Báo cáo đánh giá thực hiện NSNN năm 2010 và dự toán NSNN năm 2011 của Chính phủ trình Quốc hội: ước đến ngày 31/12/2010, dư nợ Chính phủ bằng 44,5%GDP và dư nợ nước ngoài của quốc gia bằng 42,2%GDP). Ngoài chỉ tiêu tổng số nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công so với GDP, nhằm quản lý nợ an toàn, hiệu quả, chúng ta còn xem xét cả các chỉ tiêu khác như:

- Trả nợ của Chính phủ năm 2009 chiếm 15,8% so với tổng số thu ngân sách nhà nước (giới hạn cảnh báo là 30% tổng số thu NSNN).

- Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài trung dài hạn của quốc gia năm 2009 ở mức 4,3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ (giới hạn cảnh báo là 25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ).

- Cơ cấu huy động vốn vay trong và ngoài nước đã có sự thay đổi theo hướng tỷ trọng nợ nước ngoài giảm và tỷ trọng nợ trong nước tăng lên. Tính đến cuối năm 2009, nợ nước ngoài của Chính phủ chiếm 63,8% tổng số dư nợ nước ngoài của quốc gia (năm 2005 là 78,7%) và nợ trong nước của Chính phủ chiếm 41% so với tổng dư nợ của Chính phủ (năm 2005 là 21,3%), trong đó chủ yếu là trái phiếu Chính phủ. Đây cũng chính là xu hướng chuyển đổi cơ cấu vay nợ nước ngoài sang vay nợ trong nước của các nước đang phát triển, nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào nợ nước ngoài của quốc gia.

- Các khoản vay nước ngoài của Chính phủ thì phần lớn đều là các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi (vay ODA chiếm 75% tổng số nợ tính đến 31/12/2009), điển hình là khoản vay của Ngân hàng Thế giới có thời hạn 40 năm trong đó có 10 năm ân hạn, mức lãi suất là 0,75%/năm, khoản vay của ADB có thời hạn 30 năm, 10 năm ân hạn, lãi suất 1%/năm, các khoản vay của Nhật bản có thời hạn 30 năm, 10 năm ân hạn và mức lãi suất khoảng từ 1-2%/năm.

- Mức lãi suất bình quân của các khoản vay trung dài hạn nước ngoài của quốc gia tính đến 31/12/2009 là 3,3%/năm, trong đó lãi suất bình quân đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ là 1,9%/năm và lãi suất bình quân đối với các khoản vay thương mại nước ngoài trung dài hạn của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng là 6,8%/năm. Với thời gian vay và mức lãi suất hiện tại không gây sức ép cho ngân sách nhà nước về nghĩa vụ trả lãi đến hạn.

- Kỳ hạn vay bình quân gia quyền của các khoản vay Chính phủ (cả vay trong nước và nước ngoài) tính đến 31/12/2009 khoảng 11 năm, trong đó kỳ hạn vay nước ngoài bình quân khoảng 26,6 năm, vay trong nước bình quân là 4,9 năm; các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khoảng 7,2 năm.

Như vậy, xét trên các khía cạnh mức dư nợ, cơ cấu nợ, nghĩa vụ trả nợ phát sinh và khả năng bố trí thanh toán các khoản nợ hàng năm, thì mức dư nợ Chính phủ và nợ công của nước ta hiện nay và trong trung hạn vẫn trong phạm vi được phê duyệt và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; các khoản nợ nước ngoài đến hạn đều được thanh toán đầy đủ, không có nợ xấu. Tuy nhiên, trong dài hạn sẽ cần phải cẩn trọng, tính kỹ khi cơ cấu nợ thay đổi, vay ưu đãi (ODA) giảm dần và vay thương mại tăng lên do Việt Nam đã thoát ra khỏi nhóm nước nghèo, trở thành nước có thu nhập trung bình và tiến đến nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Hiện tại, Chính phủ đang xây dựng Chiến lược nợ đến năm 2020 - 2030 trên nguyên tắc quản lý của Luật quản lý nợ công, đảm bảo dư nợ hợp lý, sử dụng vay nợ hiệu quả, phát huy hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.



## **2. Công tác quản lý, giám sát các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước.**

### **2.1. Về phân công trong quản lý, giám sát tập đoàn, tổng công ty Nhà nước**

a) Chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; Nghị quyết trung ương 3 và Nghị quyết trung ương 9 khoá IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN đã quy định: Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phân biệt rõ chức năng của cơ quan đại diện quyền chủ sở hữu Nhà nước với chức năng điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiên quyết chấm dứt tình trạng cơ quan hành chính Nhà nước can thiệp trực tiếp cụ thể vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giao Hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu gắn liền với quyền tự chủ trong kinh doanh, Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại tổng công ty, nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Nhà nước.

b) Chủ trương nêu trên của Đảng đã được thể chế hoá tại Luật doanh nghiệp Nhà nước năm 2003 và Nghị định của Chính phủ, theo đó quy định như sau:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của công ty, không can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty

- Cơ quan thực hiện quyền của chủ sở hữu Nhà nước không can thiệp trái pháp luật vào các công việc của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Nhà nước.

c) Về phân công thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp Nhà nước năm 2003 và Nghị định 132/2005/NĐ-CP của Chính phủ phân công, phân cấp về quyền đại diện chủ sở hữu quy định như sau:

- Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho Bộ, phân cấp cho Ủy ban nhân dân, Hội đồng quản trị của Tổng công ty, Công ty Nhà nước độc lập có Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu.

- Hội đồng quản trị là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu Nhà nước tại công ty Nhà nước. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định hoặc phê duyệt sai không đúng thẩm quyền làm công ty lâm vào tình trạng lỗ mất vốn Nhà nước, công ty hoạt động không hiệu quả.

- Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện một số quyền của chủ sở hữu do Chính phủ phân công và là đại diện của chủ sở hữu đối với

các công ty Nhà nước không có hội đồng quản trị do các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, chủ trì tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý điều hành công ty của hội đồng quản trị hoặc giám đốc.

- Đối với Bộ Tài chính, theo quy định tại Điều 67 Luật Doanh nghiệp Nhà nước và Nghị định số 132/2005/NĐ-CP, Bộ Tài chính thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu là đại diện của chủ sở hữu đối với công ty Nhà nước như sau:

+ Trình Chính phủ ban hành tổ chức thực hiện chế độ quản lý tài chính hạch toán kinh doanh, chế độ báo cáo và công khai tài chính của công ty Nhà nước, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.

+ Cấp vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước để đầu tư thành lập mới công ty Nhà nước và đầu tư bổ sung tăng vốn điều lệ cho công ty Nhà nước.

+ Tham gia đánh giá kết quả hoạt động quản lý của công ty, của Hội đồng quản trị và giám đốc công ty Nhà nước theo qui định của Chính phủ.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý sử dụng vốn, việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty Nhà nước.

## **2.2. Về thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra của Bộ Tài chính đối tập đoàn, tổng công ty Nhà nước**

### **a) Giám sát chung đối với Tập đoàn, tổng công ty Nhà nước**

Về trách nhiệm kiểm tra, giám sát chung đối với các Tổng công ty Nhà nước, trong năm 2007 - 2008 - 2009 Bộ Tài chính có báo cáo tổng hợp tất cả các hoạt động của các Tổng công ty Nhà nước và các Tập đoàn, báo cáo với các cấp có thẩm quyền, trong đó có báo cáo với Bộ Chính trị và đã ra kết luận về cần phải củng cố, tăng cường hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

Về chế độ quản lý tài chính, theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2009/NĐ-CP thay thế Nghị định số 199/2004/NĐ-CP về quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý phần vốn Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác, trong đó có các sửa đổi rất quan trọng liên quan đến quản lý và sử dụng vốn vay, vốn đầu tư của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước. Cụ thể là: Không chế mức vốn vay trên vốn điều lệ không quá 3 lần, trước đây Nghị định 199/2004/NĐ-CP không khống chế việc này. Trường hợp công ty nhà nước cần vay ở mức cao hơn phải được chủ sở hữu chấp thuận trên nguyên tắc hiệu quả. Hai là, công ty nhà nước phải dành 70% vốn để đầu tư vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính. Ba là, riêng đối với đầu tư vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán thì công ty nhà nước chỉ được đầu tư vào mỗi một lĩnh vực; một doanh nghiệp mức vốn đầu tư không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng phải đảm bảo tổng tất cả các vốn góp của công ty mẹ, công ty con trong Tập đoàn không quá 30% vốn điều lệ của các tổ chức nhận góp vốn. Công ty nhà nước đã đầu tư vượt

quá mức quy định này thì trong vòng 2 năm phải điều chỉnh lại mức đầu tư để đáp ứng với quy định này trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Trường hợp đầu tư vào lĩnh vực nhạy cảm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định. Đó là những quy định mà trước đây Nghị định 199/2004/NĐ-CP không quy định.

#### **b) Đối với Vinashin**

Vinashin được thành lập từ giữa năm 2006 theo Quyết định số 104/2006/QĐ-TTg ngày 15/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Ngay từ đầu năm 2007 đến nay, Bộ Tài chính thực hiện 01 cuộc thanh tra tại Tập đoàn và 11 đơn vị trực thuộc về công tác quản lý tài chính của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2007, 04 cuộc kiểm tra định kỳ về sử dụng khoản vay trái phiếu quốc tế năm 2005. Bộ Tài chính báo cáo tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra như sau:

- Tập đoàn hoạt động kinh doanh chủ yếu sử dụng vốn vay, cân đối nguồn không hợp lý, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với vốn điều lệ đăng ký. Tại thời điểm thanh tra, Tập đoàn chưa hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007. Đoàn Thanh tra đã phải yêu cầu các công ty con thuộc Tập đoàn báo cáo số liệu về tình hình vốn. Qua tổng hợp số liệu theo báo cáo, Thanh tra đã phát hiện được tại thời điểm 31/12/2007, Tập đoàn hoạt động kinh doanh chủ yếu sử dụng vốn vay: Nguồn vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 8,55%, còn lại là nợ chiếm 91,45% (trong đó: nợ ngắn hạn 34,91%, nợ dài hạn 56,54%).

- Sử dụng vốn vay mua sắm tài sản không hiệu quả, gồm: Mua tàu Bạch Đằng Giang không có hồ sơ lai lịch tàu với số tiền đầu tư 168,8 tỷ đồng không sử dụng được; Mua 9 tàu vận tải biển quốc tế đã quá hạn tuổi không đăng ký tại Việt Nam phải treo cờ nước ngoài hoạt động với số tiền đầu tư 3.136,2 tỷ đồng; Đầu tư 10 xuồng cao tốc và dự án tàu cao tốc 200 chỗ ngồi với số vốn đầu tư 54,6 tỷ đồng nhưng không có hiệu quả, không phát sinh doanh thu để thu hồi vốn...

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị trực thuộc được thanh tra: dự án đầu tư phê duyệt dần trải 122 dự án với tổng mức đầu tư 54.179 tỷ đồng; đến 31/12/2007 có 116 dự án đã và đang triển khai, giá trị khối lượng đã nghiệm thu thanh toán 15.771 tỷ đồng, vốn đã giải ngân 18.418 tỷ đồng (bao gồm cả vốn đã tạm ứng). Một số dự án đầu tư không quy định nguồn vốn đầu tư trong quyết định phê duyệt nhưng thực tế khi thanh toán lại sử dụng nguồn vốn trái phiếu quốc tế và vốn vay khác để thanh toán. Nhiều dự án triển khai chậm trong đó có nguyên nhân từ khả năng đáp ứng về vốn.

- Trong thời gian ngắn thành lập nhiều công ty con, cháu; chủ yếu sử dụng vốn vay để góp vốn thành lập các công ty con. Tính đến cuối năm 2007 (sau 1 năm thành lập) số lượng công ty con tăng 45% so với tổng số các đơn vị trước khi chuyển thành Tập đoàn; tại các đơn vị thành viên được thanh tra đã

thành lập 48 công ty con, trong đó sử dụng vốn vay để góp 206,1 tỷ đồng (chiếm 43,4%).

- Các dự án đầu tư của Tập đoàn không tuân thủ trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư dàn trải, không bố trí đủ nguồn vốn đầu tư, đầu tư chủ yếu bằng vốn vay trong khi nguồn trả nợ cân đối từ lợi nhuận và khấu hao đang gặp nhiều khó khăn. Thực tế nhiều đơn vị đang khó khăn thiếu nguồn để trả nợ vốn đầu tư ngay trong năm 2007 như: Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Biển Đông; Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu...

- Trong quản lý đầu tư xây dựng không chấp hành nghiêm trình tự thủ tục, làm trước phê duyệt sau, lập thẩm định, phê duyệt chỉ định thầu thiếu căn cứ, không đúng quy định; hạch toán, thanh toán về xây dựng và kinh doanh rất nhiều trường hợp không đúng.

- Về khoản vay trái phiếu quốc tế năm 2005 trị giá 750 triệu được Chính phủ cho phép Vinashin vay lại làm nguồn vốn đầu tư, Bộ Tài chính đã nhận thấy việc sử dụng nguồn vốn này bộc lộ một số vấn đề bao gồm: đầu tư dàn trải; vốn tự có trong thực tế của một số dự án thấp; việc chỉ đạo cho vay vốn, điều chỉnh danh mục đầu tư của Vinashin không sát sao, kịp thời... Bộ Tài chính đã báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ tướng Chính phủ và đề nghị Vinashin xử lý các vấn đề có liên quan phát hiện qua kiểm tra.

Kết luận thanh tra của Bộ Tài chính đã có 11 kiến nghị xử lý, chấn chỉnh các sai phạm đã phát hiện, thường xuyên đôn đốc thực hiện, bao gồm:

(1) Yêu cầu Tập đoàn khẩn trương xây dựng, ra đời Điều lệ hoạt động theo mô hình Tập đoàn và các quy chế quản lý tài chính, kế toán, quy chế quản lý đầu tư xây dựng, các định mức kinh tế kỹ thuật...

(2) Thực hiện rà soát tình hình vốn vay, khả năng thanh toán, khả năng trả nợ cho thời gian hiện tại và cho từng giai đoạn trong những năm tới; chú trọng cân đối nguồn trả nợ vay dài hạn để tập trung đầu tư có trọng điểm. Rà soát vốn điều lệ của các đơn vị thành viên và toàn Tập đoàn, có kế hoạch bổ sung hoặc điều chỉnh vốn điều lệ, hoặc cơ cấu lại doanh nghiệp.

(3) Tập đoàn hướng dẫn thống nhất trong Tập đoàn về hạch toán, quản lý 30% vốn thương hiệu Vinashin; hướng dẫn Công ty Tài chính Vinashin lập kế hoạch chi tiết việc sử dụng vốn luân chuyển từ nguồn vốn Tập đoàn uỷ thác; Xây dựng và ban hành các quy định về hạch toán doanh thu, chi phí; hạch toán tài sản tiền vốn chuyển giao...

(4) Có giải pháp xử lý quản lý nhằm đem lại hiệu quả đối với tài sản đã mua sắm và tiền vốn đã đầu tư cổ phần, cổ phiếu (nêu tại Điểm 4 Mục I Phần B Kết luận thanh tra), gồm: Mua sắm tàu Bạch Đằng Giang; Mua 9 tàu vận tải quá hạn tuổi; Đầu tư tàu cao tốc 200 chỗ và 10 xuồng composite; Đầu tư mua cổ phần, cổ phiếu tại 4 công ty với số tiền 1.952.694.627.072đ.

(5) Xử lý, chỉ đạo xử lý việc hạch toán và xử lý vốn, tài sản chưa đúng chế độ, chưa đúng thực tế (nêu tại Điểm 5 Mục I Phần B Kết luận thanh tra) với tổng số tiền 6.178.434.505.303đ.

(6) Xem xét, đánh giá các dự án đầu tư đang triển khai để xác định các dự án có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư và có kế hoạch trả nợ đúng thời hạn.

(7) Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị chấn chỉnh, đảm bảo chấp hành đúng trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản. Không để tình trạng không đấu thầu; chỉ định thầu, phê duyệt giá thầu chưa đầy đủ căn cứ, thi công, thanh toán không đúng quy định và khắc phục những khuyết điểm, sai phạm... (nêu tại Điểm 2 Mục II Phần B Kết luận thanh tra).

(8) Chỉ đạo, xử lý: Điều chỉnh giảm dự toán lập, thẩm định, phê duyệt không đúng tại 3 đơn vị (nêu tại Tiết 3.1 Điểm 3 Mục II Phần B Kết luận thanh tra) số tiền 28.807.815.251đ; Giảm thanh toán khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu không đúng cho các nhà thầu với giá trị 20.011.032.043đ; xác định căn cứ pháp lý của việc quyết toán, tạm ứng khối lượng chưa đủ căn cứ 212.734.849.366đ (nêu tại Tiết 3.2 Điểm 3 Mục II Phần B Kết luận thanh tra).

(9) Có kế hoạch đẩy nhanh việc sắp xếp chuyên đổi và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo đúng nội dung tại Quyết định số 60/2003/QĐ-TTg ngày 18/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ đã duyệt cho Tập đoàn. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về vấn đề ghi danh cổ phiếu ưu đãi cho người lao động. Tập đoàn đẩy mạnh việc sắp xếp, hình thành các Tổng công ty theo các Quyết định số 103/QĐ-TTg, Quyết định số 104/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng được yêu cầu công việc và giảm bớt đầu mối quản lý.

(10) Chỉ đạo các đơn vị hạch toán chính xác kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm; điều chỉnh hạch toán năm 2007: tăng doanh thu và thu nhập khác 204.336.064.842đ; tăng chi phí sản xuất kinh doanh 248.397.058.982đ; giảm lợi nhuận thực hiện 44.060.994.140đ (nêu tại Điểm 1, 2, 3 Mục III Phần B Kết luận thanh tra); điều chỉnh hạch toán giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 số tiền 5.394.660.473đ, giảm thuế GTGT được khấu trừ số tiền 39.633.701.656đ (nêu tại Điểm 4 Mục III Phần B Kết luận thanh tra).

(11) Chỉ đạo các đơn vị kê khai và nộp vào ngân sách nhà nước các loại thuế Đoàn thanh tra phát hiện thêm số tiền 96.466.354.984đ. Đối với số thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp 93.810.421.555đ, trường hợp thiếu vốn để nộp Tập đoàn có thể đề nghị Bộ tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn nộp theo quy định tại Khoản 1d Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Thủ tướng về gia hạn nộp thuế.

### 2.3. Chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ đã có rất nhiều văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện cùng cố hoạt động của Tổng công ty, Tập đoàn Nhà nước; cụ thể như sau:

- Tháng 4/2008, yêu cầu các Tập đoàn, Tổng công ty, trong đó có Vinashin, rà soát các hạng mục đầu tư và tập trung vào các ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

- Tháng 6/2008, tại Công văn số 4056/VPCP-KHTH ngày 19/6/2008, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo với Vinashin *“Yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam nghiên cứu tiếp thu các kiến nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6223/BTC-TCĐN ngày 28/5/2008 về kiểm tra việc sử dụng vốn trái phiếu quốc tế 2005, sắp xếp cắt giảm các dự án chưa thực sự cần thiết, chưa sát với mục tiêu đã đặt ra tại Quyết định số 914/QĐ-TTg ngày 01/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm tập trung vốn hơn nữa cho các dự án hiện đại hoá và nâng cấp đóng mới tàu biển”*.

- Tháng 9/2008, có thông báo yêu cầu Hội đồng quản trị phải tập trung rà soát và đầu tư vào các dự án trọng điểm có chiến lược phát triển và đóng tàu phục vụ dầu khí, đánh bắt xa bờ, tàu sông v.v... Tiếp tục thực hiện nghiêm túc sơ kết đánh giá việc triển khai đề án thí điểm thành lập Tập đoàn công nghiệp tàu thủy...

- Tháng 2/2009, tiếp tục có thông báo yêu cầu Tập đoàn rà soát điều chỉnh chiến lược dài hạn, cắt giảm các dự án đầu tư...

- Tháng 7/2009, trước tác động của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều dự án đóng tàu của Vinashin bị hủy bỏ, Vinashin tiếp tục rơi vào khó khăn, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 1005/QĐ-TTg ngày 14/07/2009 và Quyết định 1075/QĐ-TTg ngày 22/07/2009 thành lập Tổ công tác liên ngành tái cơ cấu tài chính đối với Vinashin, tiếp theo đó là ban hành Quyết định số 1596/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 về các giải pháp tái cơ cấu tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Thực hiện Quyết định này Tổ công tác liên ngành yêu cầu Vinashin rà soát cắt giảm số dự án đầu tư từ 104 dự án xuống còn 40 dự án. Sau đó Thủ tướng yêu cầu tiếp tục rà soát cắt giảm xuống 28 dự án, đàm phán với các chủ nợ để cơ cấu lại nợ, cân đối lại dòng tiền. Căn cứ vào tình hình triển khai thực hiện, đến ngày 18/06/2010 Thủ tướng tiếp tục ban hành Quyết định 926/QĐ-TTg về tái cơ cấu lại toàn diện Tập đoàn Vinashin, trong đó có việc chuyển giao một số doanh nghiệp, dự án cho Tập đoàn dầu khí và cho Tổng Công ty Hàng hải.

Theo quy định, Hội đồng quản trị Vinashin là đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Vinashin và đại diện chủ sở hữu đối với tổng công ty, công ty do mình đầu tư toàn bộ vốn điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch kinh doanh, phương án huy động vốn kinh doanh, sử dụng vốn để đầu tư, góp vốn...

Bộ Tài chính đã thực hiện kiểm tra định kỳ hàng năm nguồn vốn trái phiếu quốc tế, thực hiện thanh tra tài chính đối với Vinashin. Trong năm 2008, Bộ Tài chính cũng đã có một báo cáo riêng, toàn diện về tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, đầu tư, công nợ và công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị Tập đoàn Vinashin. Tại báo cáo này, Bộ Tài chính đã có những đánh giá, nhận xét, kiến nghị đối với Tập đoàn về tình hình đầu tư tài chính, đầu tư dự án, khả năng thanh toán nợ... Tuy nhiên, thực tế nhiều kiến nghị của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đã không được Vinashin nghiêm túc thực hiện.

*Như vậy, qua báo cáo trên, Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan đã nắm được tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn... của Vinashin, đã cảnh báo, yêu cầu Vinashin thực hiện nhiều nội dung; Lãnh đạo Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo Vinashin chấn chỉnh lại sản xuất kinh doanh, rà soát sắp xếp lại dự án đầu tư (từ tháng 4/2008) và quyết định thực hiện tái cơ cấu lại Vinashin (từ tháng 6/2009). Theo quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Tài chính có nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài chính (trong đó có việc ban hành các văn bản pháp quy về quản lý tài chính, sử dụng quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và thanh tra, kiểm tra, giám sát), Bộ Tài chính đã làm đầy đủ chức trách theo quy định của pháp luật (xin gửi kèm theo Báo cáo kết luận thanh tra của Bộ Tài chính về Vinashin để Đại biểu tham khảo).*

Hiện nay, Chính phủ đang triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp tái cơ cấu toàn diện Vinashin theo yêu cầu của Bộ Chính trị để sớm ổn định sản xuất kinh doanh, từng bước phục hồi và phát triển, qua đó Vinashin tạo được các nguồn lực về tài chính để hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục đầu tư cho sản xuất, đóng tàu, góp phần phát triển ngành công nghiệp đóng tàu của Việt Nam theo Chiến lược Biển đã đề ra.

### **3. Về công tác bình ổn giá.**

#### **3.1. Về tình hình giá cả thị trường.**

Trong 10 tháng đầu năm 2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 7,58% so với tháng 12 năm 2009 là do tác động tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan, cả nguyên nhân khách quan, cụ thể như sau:

Hiện nay, kinh tế nước ta đã hội nhập ngày càng sâu, rộng với kinh tế thế giới, nhiều nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất trong nước phải nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy, giá cả hàng hoá, dịch vụ trong nước chịu ảnh hưởng lớn của giá cả thị trường thế giới. Ngoài ra, sự biến động của giá vàng, giá ngoại tệ trên thị trường thế giới cũng tác động trực tiếp đến giá vàng và giá ngoại tệ trong nước, từ đó tạo áp lực tâm lý tác động lan toả đến giá cả hàng hoá, dịch vụ khác ở trong nước.

Năm 2010, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đà phục hồi, nhu cầu về hàng hoá, dịch vụ và nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao, giá lương thực, giá vàng và giá cả thị trường thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng là những nguyên nhân khách quan gây áp lực tăng giá trong nước (ví dụ: trị giá nhập khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2010 so với cùng kỳ 2009: thép thành phẩm tăng 28,14%, phôi thép tăng 28,04%, chất dẻo tăng 24,26%, bông sơ tăng 41,94%, xăng dầu tăng 30,0%, khí hóa lỏng tăng 33,14%, giấy tăng 28,25%...). Giá lương thực thế giới tăng có tác động làm tăng giá lương thực trong nước nhưng bên cạnh đó cũng giúp tăng thu nhập cho người nông dân (Chỉ số giá 10 tháng đầu năm, lương thực tăng 6,3%, thực phẩm tăng 9,41% có yếu tố tích cực đối với người nông dân). Ngoài ra, 10 tháng đầu năm 2010, giá cả thị trường có biến động tăng còn là do những nguyên nhân khách quan như nhu cầu và sức mua trên thị trường trong dịp Tết Nguyên đán nói riêng và 10 tháng đầu năm nói chung tăng cao; tình hình thời tiết và dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là hạn hán, bão lụt, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm tại một số địa phương, vùng miền đã tác động đến sản xuất (trong đó có ngành điện), đẩy chi phí sản xuất tăng lên hoặc tác động làm tăng giá cả thực phẩm thay thế thịt lợn tại địa phương có dịch...; tác động theo độ trễ của việc tăng tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng tín dụng ở mức cao của năm 2009 cũng gây áp lực đẩy mạnh giá cả năm 2010 tăng...

Về nguyên nhân chủ quan, do sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn thấp, công nghệ sản xuất một số ngành còn chậm đổi mới; chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm còn cao, thị trường tiêu thụ hạn chế... nên các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn trong việc giảm giá bán hàng hoá, dịch vụ. Bên cạnh đó, hiện nay Chính phủ đang tiếp tục thực hiện nhất quán cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước (trong đó có cơ chế quản lý giá). Vì vậy, đối với một số lĩnh vực (tài chính, ngân hàng, giáo dục...) và giá một số hàng hoá dịch vụ (như điện, than, xăng dầu, nước sạch sinh hoạt...) vẫn đang cần được tiếp tục điều hành theo lộ trình thị trường. Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tỷ giá VND/USD, lãi suất tín dụng theo tín hiệu thị trường... nên cũng có tác động nhất định đến mặt bằng giá chung.

### **3.2. Về công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính trong công tác bình ổn giá.**

Với nhiệm vụ là cơ quan quản lý Nhà nước về giá, trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã tham mưu với Chính phủ và thực hiện các chính sách quản lý, điều tiết, kiểm chế tăng giá như sau:

#### **a) Về hoàn thiện môi trường pháp lý:**

Thực hiện Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, với trách nhiệm quản lý Nhà nước về giá, Bộ Tài chính đã ban hành Thông



tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 104/2008/TT-BTC; theo đó, khi có biến động bất thường về giá thì Nhà nước có thể sử dụng các biện pháp bình ổn giá quy định tại Nghị định số 75/2008/NĐ-CP như: Các biện pháp để điều chỉnh cung cầu hàng hoá; Mua vào, bán ra hàng dự trữ quốc gia; Kiểm soát hàng hoá tồn kho; Các biện pháp tài chính, tiền tệ; Quy định giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá; Kiểm soát các yếu tố hình thành giá; Đăng ký giá, kê khai giá; Công khai thông tin về giá. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá, hoặc kê khai giá với cơ quan quản lý theo quy định tại Thông tư.

**b) Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành của Bộ Tài chính nhằm bình ổn thị trường:**

Trước những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành như Chỉ thị số 2008/CT-TTg ngày 01/12/2009 về tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bình ổn thị trường và phục vụ Tết Nguyên đán Canh Dần năm 2010; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 15/01/2010 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010; Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 6/4/2010 của Chính phủ về những giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010...

Triển khai chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trong phạm vi chức năng quyền hạn được giao, Bộ Tài chính đã chủ động tham mưu với Chính phủ và phối hợp với các Bộ, các ngành, các địa phương triển khai tổ chức thực hiện các biện pháp, trong đó các biện pháp về quản lý, điều hành giá được thực hiện như sau:

- Thực hiện Chỉ thị số 2008/CT-TTg ngày 01/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bình ổn thị trường và phục vụ Tết Nguyên đán Canh Dần năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 31/12/2009 về việc bình ổn giá trong dịp Tết Canh Dần năm 2010, công điện số 01/BTC-CĐ ngày 12/01/2010 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá trong đó có mặt hàng sữa.

- Để triển khai thực hiện nhóm giải pháp về giá góp phần kiềm chế tái lạm phát cao trở lại đã được đề ra trong Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/4/2010 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác bình ổn giá như: Công văn số 2788/BTC-QLG ngày 8/3/2010, Công văn số 4629/BTC-QLG ngày 14/4/2010, Công văn số 4865/BTC-QLG ngày 19/4/2010 và Công

văn số 9217/BTC-QLG ngày 14/7/2010 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường công tác quản lý giá, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp Luật về quản lý giá trên địa bàn; công văn số 248a/TB-BTC thông báo một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực phải đăng ký giá, kê khai giá với Bộ Tài chính; đồng thời có văn bản hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện quy định về đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương...

- Trong 10 tháng đầu năm, Bộ Tài chính đã tham gia với Bộ Công Thương tham mưu cho Chính phủ tiếp tục thực hiện lộ trình giá thị trường đối với một số hàng hoá dịch vụ quan trọng như: giá điện đã được điều chỉnh ở mức có kiểm chế tăng 6,8% so với giá hiện hành và được giữ ổn định đến hết năm 2010 (bình quân giá bán điện hiện nay mới bằng 92,1% giá thành điện thương phẩm ước 9 tháng đầu năm 2010); giá xăng dầu: Bộ Tài chính đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương bám sát tình hình biến động giá trên thị trường quốc tế, sử dụng linh hoạt, hiệu quả công cụ thuế, phí và quỹ bình ổn giá xăng dầu, bảo đảm không để giá xăng dầu tăng liên tục trong thời gian ngắn gây tác động bất lợi đến sản xuất và tâm lý người tiêu dùng (cụ thể, từ đầu năm đến nay Bộ Tài chính đã thực hiện giảm thuế nhập khẩu xăng dầu từ 3-5% tùy loại và nhiều lần chỉ đạo các doanh nghiệp sử dụng Quỹ bình ổn giá để giữ ổn định giá xăng dầu); Đối với giá than: Để đáp ứng mục tiêu kiểm chế lạm phát, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ giữ ổn định giá than bán cho sản xuất điện, giấy, xi măng, phân bón đến hết năm 2010... Ngoài ra, trong 10 tháng đầu năm đã chỉ đạo các địa phương thực hiện kiểm soát chặt chẽ các phương án giá, mức giá của các hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá, bình ổn giá, đăng ký giá...

- Trước tình hình giá cả tháng 9, tháng 10 tăng cao hơn các tháng trước đây của năm 2010, để bình ổn giá cả thị trường, kiểm chế lạm phát, Bộ Tài chính đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ soạn thảo và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1875/CT-TTg ngày 11/10/2010 về việc tăng cường thực hiện các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường những tháng cuối năm. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 1875/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và để bình ổn giá cả hai tháng cuối năm tại các địa phương, đặc biệt là các tỉnh bị bão lũ Miền Trung, Bộ Tài chính đã ban hành Công điện số 07/CĐ-BTC ngày 20/10/2010 về bình ổn giá các tỉnh từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa; Công văn số: 14387/BTC-QLG ngày 26/10/2010 gửi UBND các tỉnh thành phố trực thuộc TW đề nghị chỉ đạo triển khai các biện pháp kiểm chế tốc độ tăng giá thị trường 02 tháng cuối năm 2010. Hiện nay, trước diễn biến của giá xăng dầu thế giới tăng cao, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công Thương chỉ đạo doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu chưa điều chỉnh tăng giá xăng dầu và chỉ đạo doanh nghiệp sử dụng quỹ Bình ổn giá (từ 0h ngày 22/10/2010) để giữ ổn định giá xăng dầu như đã nêu ở trên.

- Về công tác kiểm tra, thanh tra giá cũng được tăng cường: Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra, thanh tra thuế và giá (đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá...) tại 38 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh: thép xây dựng, phân bón hóa học, khí hóa lỏng, đường ăn, xi măng, thức ăn chăn nuôi...; kiên quyết xử lý các trường hợp sai phạm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đối với giá thuốc chữa bệnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Bộ Tài chính đã có các văn bản đề nghị Bộ Y tế tăng cường thanh tra, kiểm tra giá thuốc; tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi quy định về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, tiếp tục tăng cường quản lý thị trường dược phẩm, giám sát giá thuốc kê khai, tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý giá thuốc ...

Như vậy, nhờ sự chỉ đạo kiên quyết, kịp thời và sự nỗ lực thực hiện của các cấp các ngành, các doanh nghiệp và của toàn xã hội nên diễn biến giá cả thị trường 10 tháng đầu năm tuy có tăng nhưng không xảy ra đột biến tại các địa phương (chỉ số giá tiêu dùng đã giảm nhanh trong quý II và đến tháng 7 đã giảm xuống 0,06%; tháng 9 và tháng 10, chỉ số giá tăng cao hơn nhưng chủ yếu do chi phí học tập đầu năm học tăng; tác động của giá lương thực và một số nguyên, nhiên liệu thế giới tăng, tỷ giá VND/USD biến động tăng, giá vàng tăng... tác động trực tiếp và tâm lý đến người dân).

### **3.3. Về giải pháp bình ổn giá thời gian tới:**

a) Về chủ trương: chúng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vì vậy, giá các mặt hàng, dịch vụ nhìn chung cần phải chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước như giá Điện, Than, Khí, các loại dịch vụ... Tuy nhiên, cần có lộ trình hợp lý và Nhà nước phải có các biện pháp hỗ trợ người nghèo, gia đình chính sách để hạn chế biến động bất lợi đến kinh tế và xã hội.

b) Về tình hình: Nền kinh tế nước ta hiện nay hội nhập khá sâu rộng với thế giới, giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam khoảng 150% GDP, vì vậy chịu tác động của kinh tế thế giới và giá cả thế giới khi có biến động. Kinh tế thế giới đang phục hồi và dần lấy lại đà tăng trưởng... nên giá cả nguyên nhiên vật liệu có thể tăng. Bên cạnh đó, thiên tai còn tiềm ẩn nhiều bất ổn khó lường; dịch bệnh trên vật nuôi cây trồng vẫn có nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân; nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phục vụ dịp lễ, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán sẽ tiếp tục tăng, lượng tiền cung ứng ra lưu thông cũng sẽ tăng hơn những tháng bình thường... gây sức ép tăng giá trong nước

c) Về giải pháp: để giảm thiểu những tác động bất lợi đến nền kinh tế nói chung và bình ổn giá cả thị trường nói riêng, đòi hỏi các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh sản xuất đã được đề ra tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 15/01/2010, Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 6/4/2010 của Chính phủ, Chỉ thị số 1875/CT-TTg ngày 11/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường

thực hiện các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường những tháng cuối năm 2010; cụ thể:

Các cấp, các ngành cần tập trung, kịp thời tháo gỡ khó khăn để các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lượng hàng hoá cung ứng ra thị trường; bảo đảm nguồn hàng, tuân thủ các quy định về giá; hoàn thành và công bố trong quý 4 năm 2010 quy hoạch phát triển sản xuất và hệ thống phân phối các sản phẩm chủ yếu: xăng dầu, phân bón, thép xây dựng, xi măng, lương thực, thuốc chữa bệnh....

Trong lĩnh vực quản lý giá và quản lý thu chi ngân sách, Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung trọng tâm như:

- Tăng cường quản lý hoạt động thu, chi ngân sách; hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước; giám sát việc tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu của các tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Có biện pháp cụ thể chống thất thu ngân sách và gian lận thuế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi ngân sách. Bảo đảm đủ kinh phí cho nhiệm vụ chi phục vụ an sinh xã hội.

- Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản và không điều chỉnh tăng tỷ giá, đảm bảo cung ứng USD cho nền kinh tế để phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát những tháng cuối năm.

- Điều hành giữ ổn định giá điện, giá than bán cho các hộ sản xuất: điện, xi măng, phân bón, giấy theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; sử dụng linh hoạt các công cụ thuế, phí, quỹ bình ổn giá để bình ổn giá xăng dầu, không tăng giá xăng dầu trong thời gian này (giá xăng dầu thế giới hiện nay đã tăng cao trên 80 USD/thùng lẽ ra các doanh nghiệp điều chỉnh tăng giá).

- Tăng cường kiểm soát giá cả (kiểm soát yếu tố hành thành giá và việc xác định mức giá bán; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá) nhất là đối với các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá như thuốc chữa bệnh, sản phẩm sữa, thép xây dựng, vật liệu xây dựng, khí gas...; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về định giá, liên kết định giá để thu lợi bất chính.

Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cần tăng cường công tác quản lý giá trên địa bàn địa phương theo quy định của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 9/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn liên quan; cụ thể:

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp giá và các quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Quyết định giá và kiểm soát yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ theo phân cấp quản lý giá của Chính phủ; Quyết định bổ sung danh mục mặt hàng bình ổn giá và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền ở địa phương...

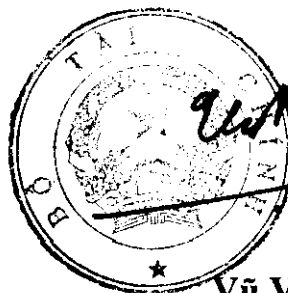
- Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về giá tại địa phương; xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền...

Bộ Tài chính xin báo cáo Quốc hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (5);
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Vụ NSNN, T.Tra Bộ, Cục QLГ, Cục QLN;
- Lưu VT, VP.

**BỘ TRƯỞNG**



**Vũ Văn Ninh**